



Bên Những Giếng Xưa

**...giếng làng còn ướt trắng trên đá
(Quang Dũng)**

Với những phương tiện kỹ thuật ngày nay, người ta có thể dẫn nước đến khắp mọi nơi, phục vụ tận chỗ và vào mọi lúc cho mọi nhu cầu sinh hoạt.

Nhưng đâu phải vì thế mỗi khi nhớ về, lại không dấy lên trong chúng ta một nỗi tiếc thương về sự biến mất lặng lẽ của những giếng xưa cùng bao hình bóng.

Những giếng làng miền Trung ngày ấy vốn được đào theo phương pháp thủ công, số lượng cùng vị trí tùy thuộc vào sự phân bố cư dân. Theo lời của những bậc trưởng lão, lễ khởi công bao giờ cũng hội đủ văn võ bá quan: cụ tiên chỉ áo dài khăn đóng, ông hương ông lý cau trầu thành khẩn. Mọi việc nhất nhất đều được tiến hành theo một quy trình hết sức trang trọng.

Miệng giếng hình vuông hoặc tròn thường được mở trên một thế đất tương đối cao, cạnh hay đường kính khoảng 1,5m – 2m nhưng sâu cạn không chừng. Ngoài cái giếng cạnh khu đình cổ nghe đâu đào chưa tới mười thước ta (thước ta = 4dm) trúng ngay long mạch “non nước” tha hồ, các giếng còn lại chiều sâu gấp rưỡi hoặc gấp đôi thế.

Nhằm tránh bị tuột đất, thành giếng từ dưới lên đều xây bằng đá. Đáy giếng tất nhiên lót ván, loại gỗ chịu nước nhiều tấm ghép vào nhau. Riêng phần lộ thiên cao khoảng nửa thân người, mặt ngoài được tô nhẵn hơn với bốn trụ tròn nhô thêm chừng ba tấc ở bốn góc, chẳng rõ kiểu cách bắt buộc hay xuất phát từ sự ngẫu hứng của bác thợ cả nào đấy!

Bài bản vậy song vẫn có giếng nước cung không đủ cầu. Tay nghề thầy địa cây nhà lá vườn khiếm tốn hay thần thánh cũng có lúc buồn vợ giận con, say say tỉnh tỉnh : ngõ đào giếng cũng như đào hố cất dậu rượu, càng sâu càng tốt ?

Tiếc một nỗi qua cái tên gọi, trời xanh lại “quen thói đánh ghen... nhảm” nên trong số những giếng có dấu hiệu sẽ tị ngòi, ngoài giếng Ngọc ở cuối làng còn có tên tuổi đáng yêu của chiếc giếng sau lưng miếu thờ Ngài Khai Canh: giếng Kiều.

Nhưng “lạ gì bí sắc tư phong” nên ngay cả với sự vật vô tri, tạo hóa dẫu sao vẫn không quên dành riêng một chút đãi ngộ theo tinh thần hơn thiệt bù trừ: nước giếng Kiều càng khan hiếm càng ngọt trong và mát, bá tánh uống đến đâu lòng dạ hân hoan đến đó.

Thưở chúng tôi còn bé, phần ngấm lẫn phần nổi của giếng đều đã phong rêu. Một loại dương xỉ tầm gửi bên trong các hốc lõm hàng hàng lớp lớp, có cây còn thè ngọn dài cả gang tay. Tuy nhiên vốn là họ nhà thảo thân mềm, không gây phiền lụy cho bất cứ ai nên chúng tha hồ sống lâu sống khỏe.

Đáy giếng cũng bị lún, mùa khô nước cạn tụ vào góc thấp tựa một vũng nước đọng với mặt thoáng chừng nửa mét vuông và độ sâu nhiều lắm ngập một ngón tay, rất khó múc. Phải dùng loại gàu chuyên dụng bằng mo dừa và chỉ những thôn nữ chính gốc may ra, khi buông không cần nhìn xuống gàu vẫn rơi đúng tầm và ở vị thế nằm nghiêng. Miệng gàu hướng ra tâm giếng, đáy gàu ngược lại sát góc và thấp hơn. Đang lúc nước ủa vào, giựt mạnh dây theo một độ lệch nào đó sẽ giữ được một lượng tối đa. Do mo gàu ngấm nước sẽ mềm có tính gần như đàn hồi, độ chao của nước trong gàu vì thế không đáng kể. Thậm chí gàu nhõ chạm thành giếng, nếu là ban ngày nước bắn ra cũng chỉ lấm tẩm những hạt vừa đủ óng ánh bảy sắc cầu vồng trông càng thêm đẹp mắt mà thôi.

Trường hợp nghiệp dư như những anh trai khôn học đòi chọn vợ “giếng đông” thì dẫu đâu hôm thùng trống quảy đi, nửa khuya rất có thể vẫn thùng trống quảy về.

Aáy thế, phép làng dù bất thành văn để đâu cho phép anh nào có mặt tại giếng Kiều vào lúc đêm hôm kia chứ ! Trót nhờ thương thầm nhớ trộm, hãy tìm hiểu lộ trình đi về của từng chị rồi giả vờ đứng ngắm đom đóm bay qua ở một hàng giậu nào đó nhằm mượn cớ tò tính. Song liệu có kiên trì chờ đến lúc “trăng... ngang đầu núi” hầu gặp được người trên vai “nước non” nặng gánh, lại bất ngờ thấy lẻo đẻo theo sau là một hai thằng em nhóc tì cận vệ?

Mấy ai đã nên duyên chồng vợ trong những đôi lứa gánh nước và kiên trì chờ trăng ngày ấy, tôi không biết nữa. Chỉ biết vào những năm tháng tôi xa, dẫu binh lửa đã không ít lần in đậm dọc các lũy tre bờ ruộng. Thay vì ra giếng đêm đêm, một số trong các chị đã vĩnh viễn yên nằm tại nghĩa trang làng sau những ngày đắm nước mắt: mẹ khóc con, lũ em khóc chị và bạn bè khóc nhau...

Nhưng thôi, hãy trở lại với giếng Kiều – đây là cách tưởng nhớ đến các chị “những hình tượng một thời” về phẩm cách của phụ nữ quê tôi ngày đó.

Là giếng cung cấp sản phẩm chất lượng cao nên quanh “Kiều” luôn nhộn nhịp... bướm ong. Ai cũng muốn mang về dù khuya khoắt một lượng nước tối thiểu. Ngoài việc nấu ăn đun trà, ít ra còn cho lũ trẻ như chúng tôi tu sống mỗi ngày. Tắm rửa, giặt giũ hay tưới tiêu đã có nước sông thông qua các con hói nhỏ chạy song song đến cận bìa làng.

Riêng chuyện điện đóm thuở ấy ở quê nghèo cứ như là ánh đèn thần nghìn lẻ nào ai dám mơ, dầu thắp còn hạn chế huống gì. Hễ đêm xuống có trăng hay không, nhà nhà vẫn dọn bữa ra sân mà sẵn khoai là chính. Thức ăn chỉ thuần rau luộc, muối dưa nên cỗ tình gặp nhăm cũng khó. Nhảm (!) chẳng là lũ trẻ chúng tôi, những khi có thêm món chả trứng, đĩa thịt kho hoặc tô canh cá.

Cơm nước xong chẳng cần văn ôn võ luyện học thêm học bớt, chúng tôi lặn kênh ra trên những đồng dây lang còn nguyên cả lá lẫn rễ ngẫm nhía chị Hằng rồi thiếp đi. Chừng tỉnh giấc trăng đã lưng lửng ngọn tre và đây đó vẳng lại một thứ âm điệu xập xình nghe quen từ đầu trên xóm dưới, ngõ hẹp ngõ tắt.

Vâng, chỉ những cái thùng thiếc rỗng dập vào các quai gió thép theo nhịp chân đi mới phát ra thứ âm sắc vui tai đến thế.

Thứ nhạc hiệu nhắc khéo các chị trong xóm đã đến giờ “họp giếng” rồi đấy ! Và đúng thế thật, chị tôi đang chải tóc vội chạy ra cổng nhìn ngược nhìn xuôi. Đầu đầu cũng “kiến kỳ thanh bất kiến kỳ hình” ⁽¹⁾ những đồng nghiệp gánh nước giếng khuya của chị.

Cuối cùng cũng giống cũng thùng trên vai, chị tôi ung dung băng ngang sân chào mọi người. Qua chỗ chúng tôi chị không quên vẫy vẫy tay trên, miệng cười rất tươi như thể những thiếu nữ thị thành ngày nay trên đường ra phố mua sắm thời trang vậy. Mãi sau này lớn lên hầu như không bao giờ tôi còn gặp được một hình ảnh nào sống động và ý nghĩa hơn, phản ánh niềm vui cùng nói lên giá trị của sự cần lao bằng hình ảnh chị tôi với cặp thùng thiếc rỗng đi ra ngõ vào lúc ấy.

Tựa loài chim sâu nhỏ bé thiếu khả năng tự vệ thường phải nương thân trong những lùm cây nhiều gai nhọn để kiếm mồi, người dân quê nghèo tự bao đời đã khéo thích nghi với sự khắc nghiệt của môi trường. Họ lặng lẽ khai thác theo chiều ngược lại một cách ung dung từ sự “dè sẻn” của thiên nhiên từng niềm vui nho nhỏ. Giả sử nước giếng Kiều luôn đầy hoặc thay vào đó bằng một giếng khoan, một máy bơm hiện đại chẳng hạn, làm sao những cô gái trong làng tận dụng được danh nghĩa để tham dự những buổi họp mặt thăm thiết kéo dài đến tận nửa đêm?

Bài học “tri túc tiện túc... tri nhàn tiện nhàn...” ⁽²⁾ các chị nào được tiếp thu. Song bắt nguồn từ những hạn chế và trong những điều kiện làm việc vượt quá sức mình, các chị sớm biết cách tự hóa giải mọi nỗi nhọc nhằn để tồn tại và vui sống. Lũ em tôi mắt nhắm mắt mở reo lên vừa lúc chị khuất dạng rồi ngủ tiếp như thể nằm mê, nhưng tôi thì không: đã bao lần tôi cố thức để được theo các chị ra giếng.

Ở đây trên đám cỏ xanh chẳng chịt rể của một thân cây đa cụt ngọn dễ mấy vòng ôm, các chị tự giác ngồi đánh vòng từng nhóm theo thứ tự đến trước đến sau. Không vội vã, không tranh phiên. Thay vì lo việc... nước, các chị chẳng ai bảo ai hồn nhiên nhập cuộc như thể đến đây chỉ để tham dự một buổi liên hoan rồi về. Các chị bàn bạc, các chị ríu rít cơ man những chuyện trên đời: chuyện nắng chuyện mưa, chuyện thương chuyện nhớ, chuyện buồn chuyện vui...

Xen kẽ giữa những câu chuyện tâm tình và gỡ rối ấy là từng món quà vặt, thổ sản của vùng quê đất cày lên sỏi đá được chuyền tay nhau. Vài trái ổi xanh, từng chùm khế chua chua ngọt ngọt hay những quả chay đang độ chín tới kèm theo vô số gói lớn gói nhỏ muối ớt. Có chị còn mang theo cả đùm ốc gạo đã luộc chín, những con ốc gạo bé tí mà thịt của chúng vừa ngọt vừa bùi được khướy bằng các đầu cây bõm và những cậu em ngoan ngoãn như tôi mặc sức xí phần.

Chiến trường ăn uống sau đó luôn được thu dọn nghiêm túc và mỗi sáng mai, đổ ai biết rằng đêm đêm quanh giếng có một cuộc đánh chén rộn ràng của những nàng tiên nghèo... không cánh!

Tất cả sinh hoạt bên những giếng xưa ấy, tự bao giờ đã góp phần không nhỏ trong việc tượng hình một phong cách sống đậm tính văn hóa và đầy chất đồng nội. Vô hình chung đây còn là một trung tâm góp nhặt và truyền đạt thông tin, phát huy kinh nghiệm ứng xử cũng như vun đắp truyền thống “nhiễu điều” ⁽³⁾ giữa một lớp người đồng hương đồng tộc...

Sự thường xuyên san sẻ tâm tình còn giúp các chị tự điều tiết “cái tôi” vốn chịu nhiều ức chế ở tuổi dậy thì. Có phải nhờ vậy mà chúng trăm uất đã thiếu đất sống trong tập quần của bao cô gái quê mộc mạc? Giếng mỗi gia đình ở chốn điền dã cũng thế, hiếm khi xảy ra những sự cố ngậm ngùi để luôn tồn tại bền vững ?

Trường hợp vào mùa khô hạn, đêm lại quá khuya mà giếng không đủ nước, mọi người tự nguyện san bớt cho nhau cốt sao vừa

đủ nặng thùng nhằm dễ gánh để ra về cùng lúc. Từng kỷ niệm cứ thế được chắt chiu và gìn giữ như một thứ “hồi môn tập thể” dành sẵn cho nhau chờ ngày, bởi ai dám chắc trong... “đám xuân xanh ấy” có kẻ:

... năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang (4)

Nhưng, sẽ ra sao ngày mai – người ở người đi, giọt vắn giọt dài đầy vơi lưng giếng:

Ngõ cũ không mong người trở lại
Mà mùi hoa mộc vẫn thơm đưa (5)

*

Năm tháng trôi qua, chưa hết cấp tiểu học một số trong những cậu bé quê chúng tôi lên tỉnh học. Rồi chiến tranh và đời lính, sự mất mát cùng bao mối hiểm nguy rải khắp. Thị tứ phồn hoa hay chân trời góc biển, ruộng đồng bát ngát hay núi thẳm rừng già... Để gì chúng tôi được phép dừng chân đủ lâu ở một nơi nào đó, hầu mong bắt gặp dù chỉ trong giây lát hình ảnh của một thời ấu thơ thanh bình bên những giếng nước. Nhưng, những gì hơn một lần ghi khắc vẫn còn đó. Một dạo tôi về sau nhiều năm xa cách, ngỡ cùng với khung cảnh “con cò vẫn bay... cùng mùi khói rơm quen thuộc” sẽ nhìn thấy lại giếng xưa.

Nhưng đó đây từng chòm cây lá rũ mà giếng xưa đâu và các chị, “những người muôn năm cũ” ấy?

Bao nhiêu thân phận nữ nhi ngược xuôi nặng nợ cơm áo, dọc đường đạn bom đã nghìn năm ngủ giấc? Bao nhiêu tráng thôn “cổ lai chinh chiến” mấy ai hẹn về khiến người người dân phai nhan sắc... “trong nhờ đục chịu mười hai bến nước” vẫn còn đó một bến đợi không chồng? Bao nhiêu và bao nhiêu goá phụ muộn phiền cuối đời quạnh hiu, đành quê người đất khách bước thêm bước nữa?

Đâu rồi giếng xưa với những dáng người trinh bạch, từng đôi mắt ngược nhìn thành khẩn song duyên số mãi cứ chập chùng... gói tròn thương tiếc?



Gốc đa xưa cũng đã mất dấu, thay vào đó là một kiến trúc miệt vườn thời kỳ hậu chiến chuyên kinh doanh dịch vụ “văn hóa” ! Những dòng chữ nguệch ngoạc trên những bức tường màu sắc diêm dúa, chân dung những “mỹ nhân thiếu mặc” những siêu “người mẫu dói ăn” cùng hằng hà những áp phích quảng cáo dung tục hạ thấp nhân phẩm...

Nhớ về các chị như nhớ về... từng người tình đã bỏ... (chúng) tôi đi, nhân danh mùa xuân thấm thoát, chợt dừng tôi muốn khóc nhưng không thể. Sự dị ứng trước trào lưu thực dụng của một lớp người đang muốn trả thù quá khứ nên hối hả đổi đời? Mặc cảm dửng dưng của những kẻ vốn từ lâu bị gạt hẳn sang lề, mất hết sĩ khí và lòng tự trọng?

Hay do con tim vốn dĩ yếu mềm sau bấy nhiêu bầm dập, nhịp phách nay trót đã vô thường ?

NGUYỄN VĂN SA
(nguyennguyenssa@hotmail.com)

Chú thích (ngoài các cụm từ trong “...” thường là ý mượn từ thơ văn của nhiều tác giả.

(1) nghe tiếng chứ không thấy hình.

(2) biết đủ xen như đủ, biết nhìn xem như nhìn.

(3) tấm vải màu đỏ che trước khung kính có di ảnh người đã khuất trên bàn thờ (nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng)

(4) thơ Hàn Mặc Tử

(5) thơ Quang Dũng (Cổ quận, 1940)